



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 200-6/CLN/LABDAWACO

Ngày 17/11/2025

Trang 1/1

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC NGẦM ĐÔI

Vị trí lấy mẫu : Trạm Cấp nước Ngầm Đôi

Ngày lấy mẫu : 10/11/2025

Tuần : 46

Tháng: 11/2025

Ngày nhận mẫu : 10/11/2025

Ký hiệu mẫu : 200-6

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Phạm Thị Thúy

| Stt | Tên chỉ tiêu                                      | Đơn vị        | Phương pháp thử                       | Kết quả         | Tiêu chuẩn      | Ngày kiểm nghiệm                           |
|-----|---------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 1   | Màu sắc                                           | mg/l Pt       | TCVN 6185:2015                        | < 5 (MQL)       | ≤ 15            | Từ ngày<br>10/11/2025<br>đến<br>17/11/2025 |
| 2   | Mùi                                               | -             | PP.HH.3.11 (*)                        | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |                                            |
| 3   | Độ đục                                            | NTU           | PP.HH.3.12<br>(Ref TCVN 12402-1:2020) | 1,44            | ≤ 2             |                                            |
| 4   | pH                                                | -             | TCVN 6492:2011                        | 7,05            | 6,0 - 8,5       |                                            |
| 5   | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>              | mg/l          | TCVN 6224:1996                        | 7               | ≤ 300           |                                            |
| 6   | Chloride (Cl <sup>-</sup> )                       | mg/l          | TCVN 6194:1996                        | 5,3             | ≤ 250           |                                            |
| 7   | Sắt (Fe)                                          | mg/l          | TCVN 6177:1996                        | < 0,030 (MQL)   | ≤ 0,3           |                                            |
| 8   | Mangan (Mn)                                       | mg/l          | TCVN 6002:1995                        | KPH (MDL=0,014) | ≤ 0,1           |                                            |
| 9   | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | mg/l          | PP.HH.3.1<br>(Ref TCVN 6494-1:2011)   | KPH (MDL=0,005) | ≤ 0,9           |                                            |
| 10  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | mg/l          | PP.HH.3.1<br>(Ref TCVN 6494-1:2011)   | 0,23            | ≤ 11            |                                            |
| 11  | Sulfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )           | mg/l          | PP.HH.3.1<br>(Ref TCVN 6494-1:2011)   | 1,3             | ≤ 250           |                                            |
| 12  | Permanganat                                       | mg/l          | TCVN 6186:1996                        | < 0,50 (MQL)    | ≤ 2             |                                            |
| 13  | Coliform tổng số                                  | CFU/<br>100ml | TCVN 6187-1:2019                      | < 1             | < 1             |                                            |
| 14  | E.coli                                            |               | TCVN 6187-1:2019                      | < 1             | < 1             |                                            |
| 15  | Clo dư tự do                                      | mg/l          | PP so màu orthotolidine (*)           | 0,70            | 0,2 - 1,0       | 10/11/2025                                 |

**\* Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 200/LAB ngày 10/11/2025.
- Tiêu chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(\*) : Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

**\* Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG